

Số: 15/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 321/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

➤ **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số D, tổ E, ấp C, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Thanh D1**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp A, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp.

➤ **Bị đơn:** Bà **Lê Mỹ T**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Lê Mỹ T đồng ý trả cho anh Nguyễn Quốc D số tiền 93.100.000 đồng. Trả trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày 26/01/2026 đến ngày 26/3/2026.

Kể từ ngày anh D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Lê Mỹ T tự nguyện chịu 2.327.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ H lại anh Nguyễn Quốc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.728.000 đồng theo biên lai thu số 0010880 ngày 18/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Nhịn

Mẫu số 38-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

Số:...../...../QĐST-.....⁽²⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày.....tháng.....năm về việc các đương sự thoả

thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:..../..../TLST-.....⁽³⁾
ngày...tháng... năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:⁽⁴⁾
.....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾
.....
.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

